

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (Đợt 12)
để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Hồ chứa nước Đồng Mít
Địa điểm: Huyện An Lão, tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Nghị định quy định chi tiết về thực hiện Luật Đất đai;

Căn cứ Văn bản số 1413/TTg-NN ngày 18/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 3899/QĐ-BNN-XD ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định;

Căn cứ các Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bình Định: số 34/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 về việc ban hành Bảng giá các loại đất năm 2015 (định kỳ 5

năm) trên địa bàn tỉnh Bình Định; số 66/2016/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 về việc ban hành điều chỉnh bổ sung Bảng giá các loại đất năm 2015 (định kỳ 5 năm) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ các Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; số 02/2019/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi một số nội dung tại Phụ lục số 02 Đơn giá cây ăn quả, cây lâu năm kèm theo Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh Bình Định ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 54/2017/QĐ-UBND ngày 21/9/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của toàn dự án, dự án Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4250/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ngày 10/11/2017 về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hồ chứa nước Đồng Mít; Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4250/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành đơn giá nhà sàn, nhà chòi để thực hiện bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất đối với dự án Hồ chứa nước Đồng Mít, huyện An Lão, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản số 5547/UBND-KT ngày 13/9/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc chủ trương cho phép thực hiện chính sách hỗ trợ đặc biệt tăng thêm đơn giá một số loại đất và cây cối, hoa màu phục vụ bồi thường, GPMB dự án Hồ chứa nước Đồng Mít;

Căn cứ Văn bản số 975/UBND-KT ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc chủ trương cho phép thực hiện chính sách hỗ trợ đặc biệt tăng thêm đơn giá nhà xây, vật kiến trúc phục vụ bồi thường, GPMB dự án Hồ chứa nước Đồng Mít;

Căn cứ Thông báo số 210/TB-UBND ngày 05/9/2018 ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Hồ Quốc Dũng tại cuộc họp nghe báo cáo tình hình thực hiện Hợp phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hồ chứa nước Đồng Mít;

Xét đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hồ chứa nước Đồng Mít tại Tờ trình số 18/TTr-BTGPMB ngày 26/9/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (Đợt 12) để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Hồ chứa nước Đồng Mít tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định với các nội dung như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là 4.023.510.893 đồng (*bốn tỷ không trăm hai mươi ba triệu năm trăm mười nghìn tám trăm chín mươi ba đồng*), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 3.944.618.523 đồng (chi tiết theo phụ lục số 01, 02 đính kèm Quyết định này);

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 78.892.370 đồng.

2. Nguồn vốn chi trả: Ngân sách Nhà nước.

(*Phương án chi tiết theo Văn bản số 18/TTr-BTGPMB ngày 26/9/2019 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hồ chứa nước Đồng Mít*)

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện An Lão và tổ chức, hộ gia đình có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *lll*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPKT;
- Lưu: VT, K7, K10. *lll*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu

Trần Châu

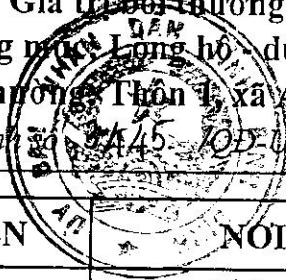
PHỤ LỤC 01

Giá trị bồi thường, hỗ trợ chi tiết (Đợt 12)

Hạng mục Long hồ - dự án Hồ chứa nước Đồng Mít

Địa điểm bồi thường: Thôn 1, xã An Vinh, huyện An Lão, tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số 3445/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)



TT	HỌ VÀ TÊN	NƠI Ở	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Đinh Văn Tui	Thôn 1 - xã An Vinh	137.041.410	
2	Đinh Văn Đỏ	Thôn 1 - xã An Vinh	69.089.810	
3	Đinh Văn Điều	Thôn 1 - xã An Vinh	29.043.500	
4	Đinh Văn Men	Thôn 1 - xã An Vinh	50.698.113	
5	Đinh Văn Ốp	Thôn 1 - xã An Vinh	136.757.140	
6	Đinh Thị Lú	Thôn 1 - xã An Vinh	23.488.900	
7	Đinh Văn Muong	Thôn 1 - xã An Vinh	40.064.352	
8	Đinh Văn Múc	Thôn 1 - xã An Vinh	33.661.860	
9	Đinh Văn Rai	Thôn 1 - xã An Vinh	27.022.690	
10	Đinh Văn Bong	Thôn 1 - xã An Vinh	37.992.244	
11	Đinh Thị Men	Thôn 1 - xã An Vinh	46.901.130	
12	Đinh Văn Nói	Thôn 1 - xã An Vinh	19.307.028	
13	Đinh Văn Thiên	Thôn 1 - xã An Vinh	121.418.122	
14	Đinh Thị Bé	Thôn 1 - xã An Vinh	103.304.000	
15	Đinh Thị On	Thôn 1 - xã An Vinh	102.151.500	
16	Đinh Văn Cum	Thôn 1 - xã An Vinh	93.925.260	
17	Đinh Văn Đem	Thôn 1 - xã An Vinh	39.455.444	
18	Đinh Văn Mê	Thôn 1 - xã An Vinh	51.319.200	
19	Đinh Văn Tang	Thôn 1 - xã An Vinh	77.968.880	

TT	HỌ VÀ TÊN	NƠI Ở	SỐ TIỀN	GHU CHÚ
20	Đinh Văn Lân	Thôn 1 - xã An Vinh	124.373.164	
21	Đinh Văn Đông	Thôn 1 - xã An Vinh	44.896.970	
22	Đinh Văn Thái	Thôn 1 - xã An Vinh	128.357.430	
23	Phạm Văn Teu	Thôn 1 - xã An Vinh	31.854.266	
24	Đinh Văn Mêu	Thôn 1 - xã An Vinh	189.167.440	
25	Đinh Văn Sưa	Thôn 1 - xã An Vinh	65.034.200	
26	Đinh Văn Riều	Thôn 1 - xã An Vinh	177.977.876	
27	Đinh Văn Thá	Thôn 1 - xã An Vinh	789.600	
28	Đinh Văn Mếp	Thôn 1 - xã An Vinh	347.296.456	
29	Đinh Văn Dồ	Thôn 1 - xã An Vinh	31.788.331	
30	Đinh Văn Bình	Thôn 1 - xã An Vinh	60.938.840	
31	Đinh Văn Ký	Thôn 2 - xã An Vinh	31.678.650	
32	Đinh Văn Nung	Thôn 1 - xã An Vinh	47.225.440	
33	Đinh Văn Líp	Thôn 1 - xã An Vinh	12.099.920	
34	Đinh Văn Đoang	Thôn 1 - xã An Vinh	7.913.430	
35	Đinh Văn Nghin	Thôn 1 - xã An Vinh	31.799.757	
36	Đinh Văn Nui	Thôn 1 - xã An Vinh	47.821.170	
37	Đinh Văn Dúp	Thôn 2 - xã An Vinh	72.302.740	
38	Đinh Thị Rét	Thôn 1 - xã An Vinh	46.322.442	
39	Đinh Văn Thi	Thôn 1 - xã An Vinh	2.573.820	
40	Đinh Văn Đέα	Thôn 1 - xã An Vinh	9.106.494	
41	Đinh Văn Máy	Thôn 1 - xã An Vinh	110.822.870	

TT	HỌ VÀ TÊN	NƠI Ở	SỐ TIỀN	GHU CHÚ
42	Đinh Văn Vêu	Thôn 1 - xã An Vinh	5.393.960	
43	Đinh Văn Gai	Thôn 2 - xã An Vinh	71.528.600	
44	Đinh Văn Lung	Thôn 1 - xã An Vinh	1.266.600	
45	Đinh Văn Hiệu	Thôn 2 - xã An Vinh	17.153.610	
46	Đinh Văn Lom	Thôn 1 - xã An Vinh	24.618.316	
47	Đinh Văn Vân	Thôn 1 - xã An Vinh	33.272.700	
48	Đinh Văn Nói đại diện nhóm tập thể trường PTDTBT Đinh Nĩ	Thôn 1 - xã An Vinh	190.094.065	
49	Đinh Thị Dí	Thôn 2 - xã An Vinh	103.521.184	
50	Đinh Văn Ghim	Thôn 1 - xã An Vinh	22.610.680	
51	Đinh Văn Doang	Thôn 1 - xã An Vinh	449.400	
52	Đinh Thị Mô	Thôn 2 - xã An Vinh	59.126.100	
53	Đinh Văn Bình	Thôn 2 - xã An Vinh	127.766.636	
54	Đinh Văn Mốt	Thôn 2 - xã An Vinh	114.617.140	
55	Đinh Văn Ke	Thôn 2 - xã An Vinh	17.751.360	
56	Đinh Văn Múc	Thôn 2 - xã An Vinh	2.904.980	
57	Đinh Thị Nây	Thôn 2 - xã An Vinh	46.867.920	
58	Đinh Văn Gổ	Thôn 2 - xã An Vinh	25.280.190	
59	Đinh Văn Đỏ	Thôn 2 - xã An Vinh	60.541.420	
60	UBND xã An Vinh		11.753.323	
TỔNG CỘNG			3.799.270.073	

Uk

PHỤ LỤC 02**Giá trị bồi thường, hỗ trợ chi tiết (Đợt 12)****Hạng mục: Lòng hồ - dự án Hồ chứa nước Đồng Mít****Địa điểm bồi thường: Thôn 1, 2, 3 và thôn 4, xã An Dũng, huyện An Lão, Bình Định****(Kèm theo Quyết định số 3445/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)**

TT	HỌ VÀ TÊN	NƠI Ở	SỐ TIỀN	GHU CHÚ
1	Phạm Văn Chem	Thôn 4 - xã An Dũng	1.575.000	
2	Đinh Văn Đeng	Thôn 4 - xã An Dũng	1.155.000	
3	Đinh Văn Uyên	Thôn 4 - xã An Dũng	1.000.000	
4	Đinh Văn Mơi	Thôn 1 - xã An Dũng	320.000	
5	Đinh Văn Hơn	Thôn 1 - xã An Dũng	945.000	
6	Đinh Văn Tiêng	Thôn 1 - xã An Dũng	43.782.000	
7	Đinh Văn Trục	Thôn 1 - xã An Dũng	6.785.100	
8	Đinh Thị Múra	Thôn 1 - xã An Dũng	1.000.000	
9	Đinh Thị Yên	Thôn 2 - xã An Dũng	1.000.000	
10	Đinh Thị En	Thôn 2 - xã An Dũng	2.000.000	
11	Đinh Thị Phá	Thôn 2 - xã An Dũng	3.000.000	
12	Đinh Thị Ghiên	Thôn 2 - xã An Dũng	1.000.000	
13	Đinh Thị Dai	Thôn 2 - xã An Dũng	1.000.000	
14	Đinh Văn Nghiêu	Thôn 3 - xã An Dũng	17.216.000	
15	Đinh Thị Gheo	Thôn 3 - xã An Dũng	7.224.500	
16	Đinh Văn Hiếu	Thôn 3 - xã An Dũng	320.000	Vợ: Đinh Thị Phết
17	Đinh Văn Xuân	Thôn 3 - xã An Dũng	311.850	

TT	HỌ VÀ TÊN	NƠI Ở	SỐ TIỀN	GHU CHÚ
18	Đinh Văn Nét	Thôn 3 - xã An Dũng	1.000.000	
19	Đinh Văn Mới	Thôn 3 - xã An Dũng	4.000.000	
20	Đinh Văn Trường	Thôn 3 - xã An Dũng	1.000.000	
21	Đinh Thị Tum	Thôn 3 - xã An Dũng	1.000.000	
22	Đinh Thị Kép	Thôn 3 - xã An Dũng	1.000.000	
23	Đinh Thị Rói	Thôn 3 - xã An Dũng	5.000.000	
24	Đinh Thành Biên	Thôn 1 - xã An Trung	3.000.000	
25	Đinh Thị Huệ	Thôn 1 - xã An Trung	16.000.000	
26	Đinh Văn Riêm	Thôn 2 - xã An Trung	7.000.000	
27	Đinh Thị Pía	Thôn 2 - xã An Trung	4.000.000	
28	Đinh Văn Méo	Thôn 1 - xã An Hưng	4.000.000	
29	Đinh Thị Thiểu	Thôn 4 - xã An Vinh	2.000.000	
30	Trần Thị Cúc	Thôn Xuân Phong Nam - xã An Hòa	714.000	
31	Đinh Tố	xã Vĩnh Thuận - huyện Vĩnh Thạnh	6.000.000	
TỔNG CỘNG			145.348.450	